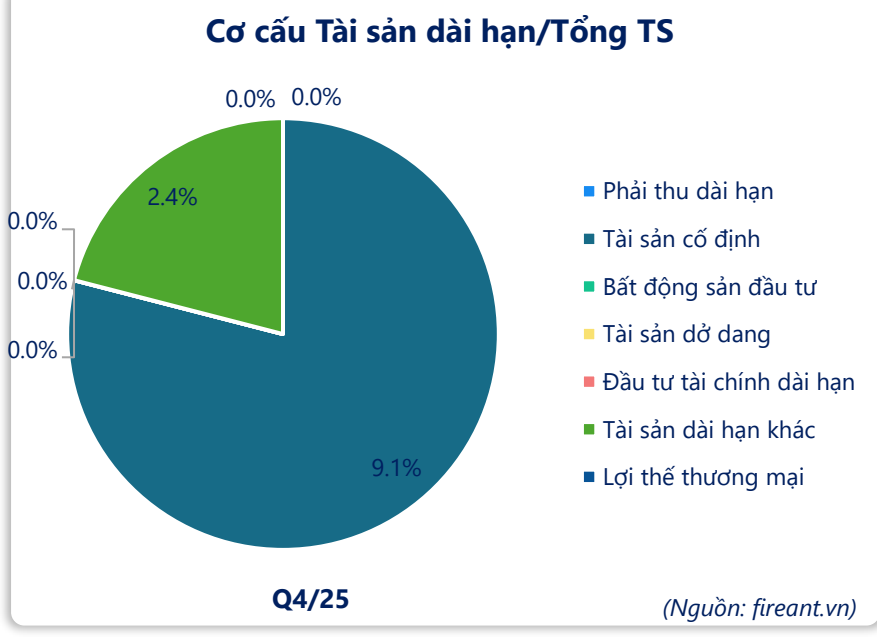
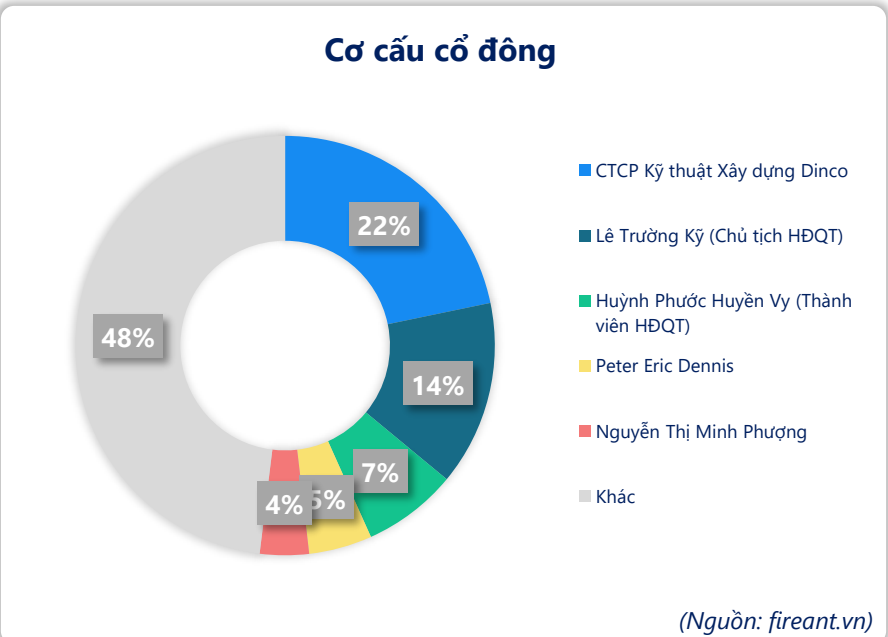
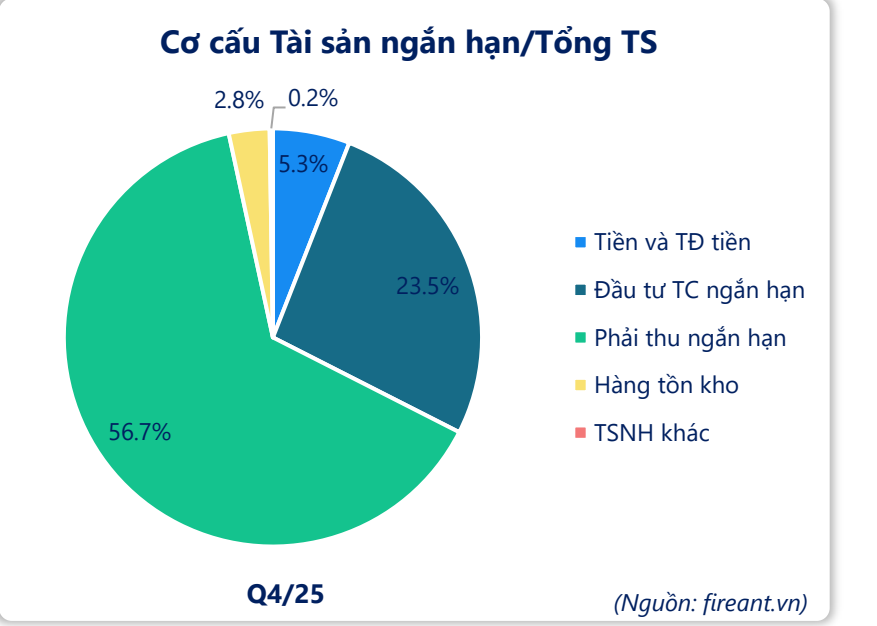
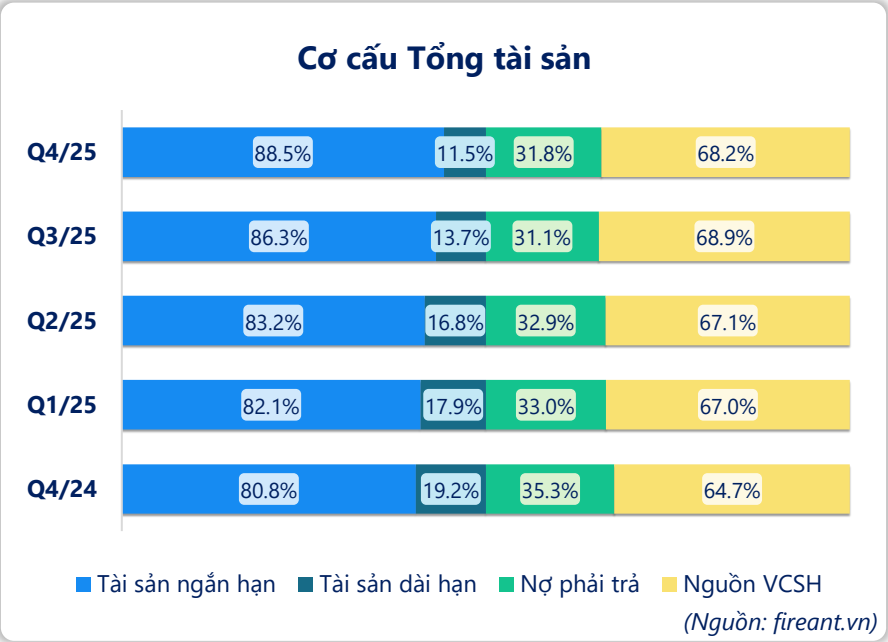
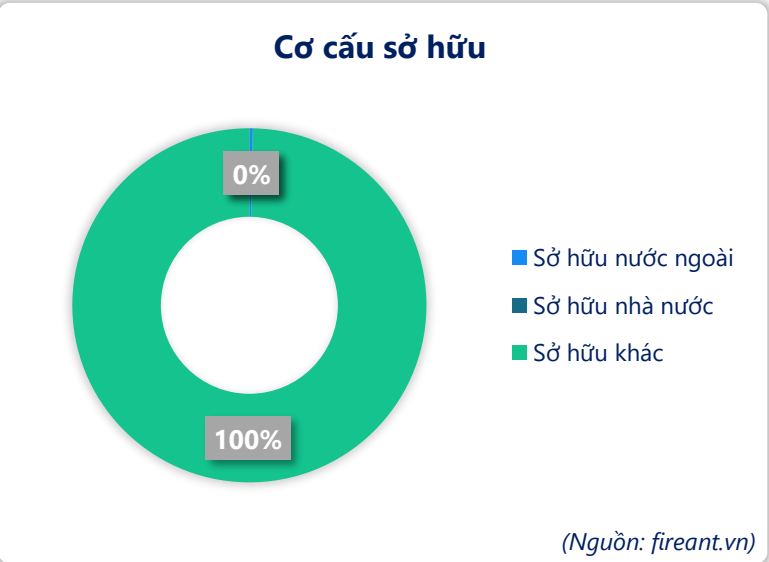
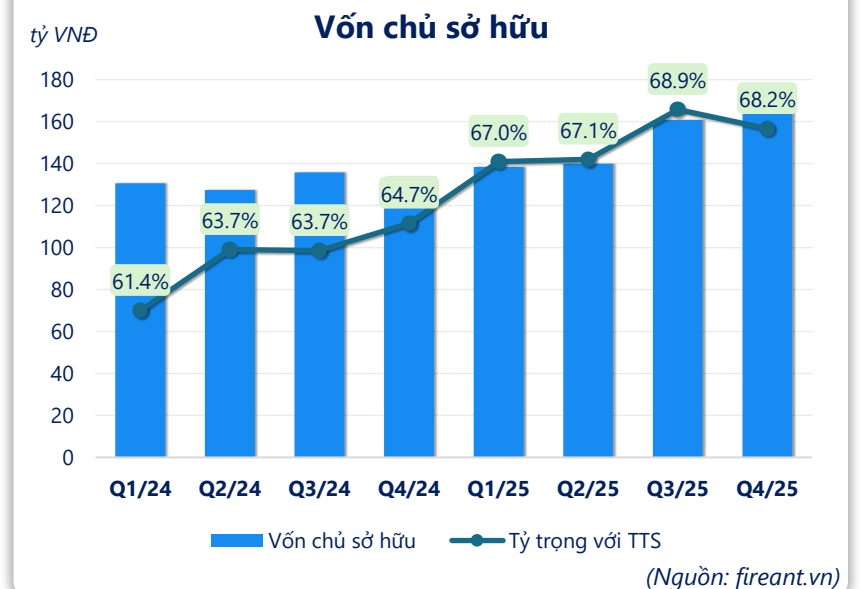
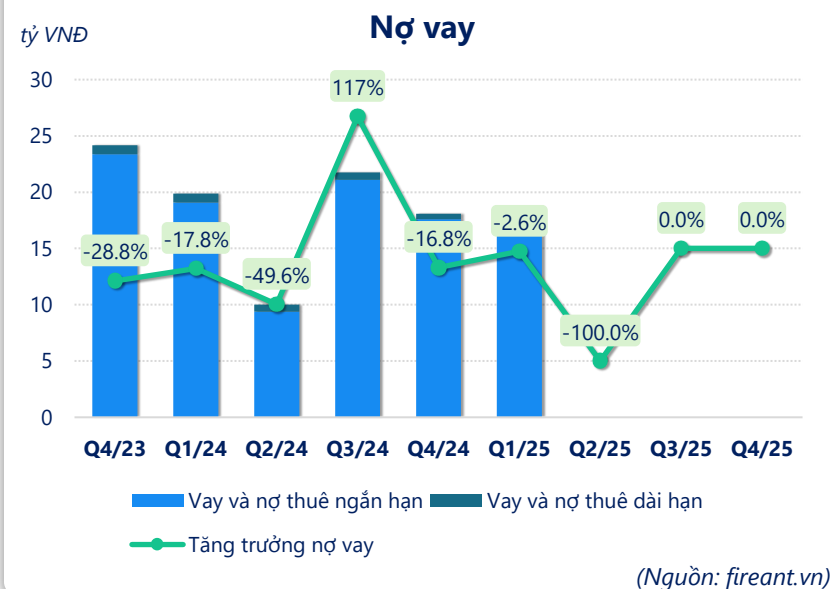
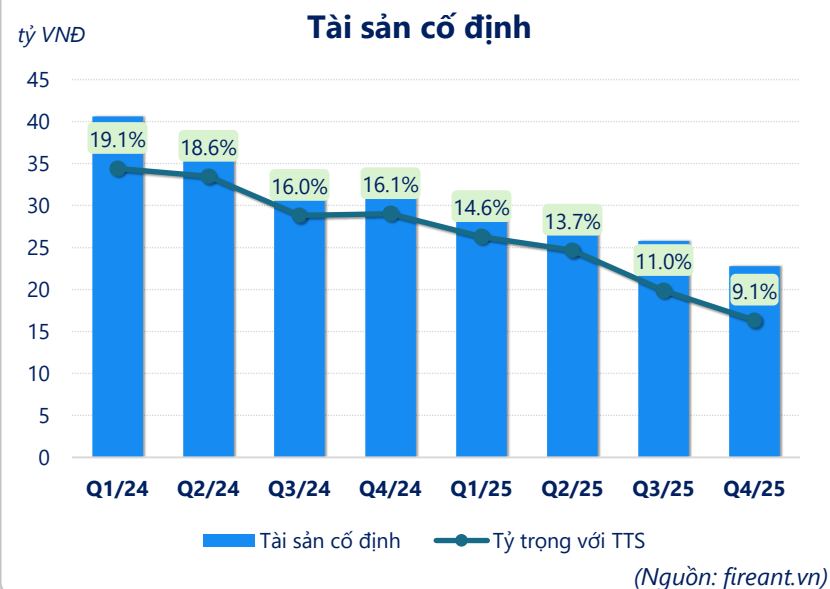
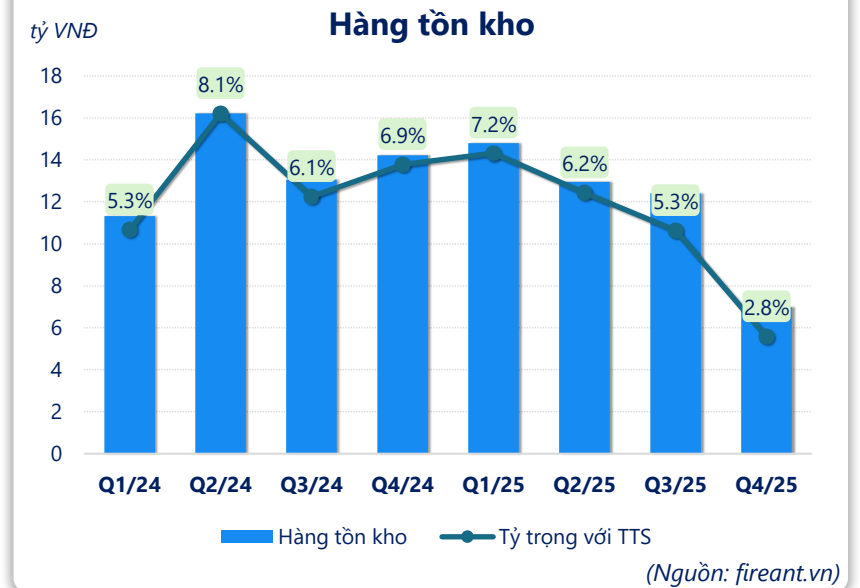
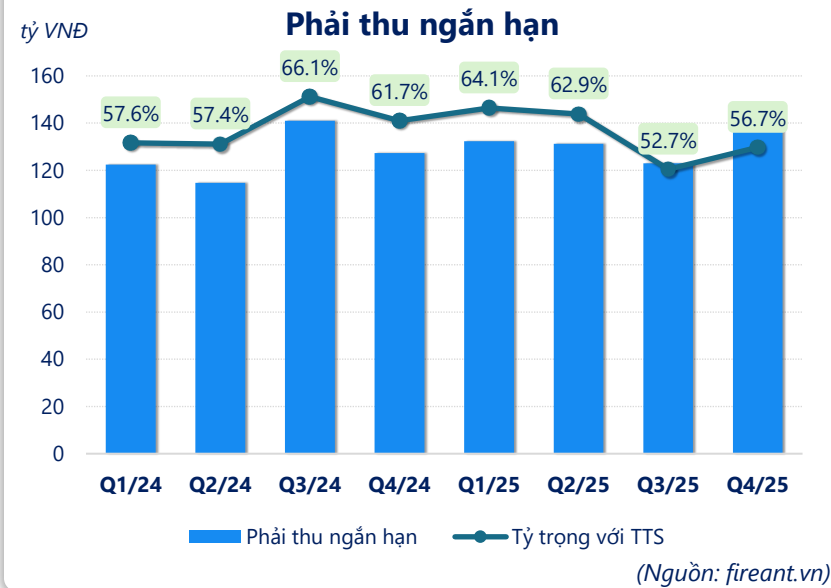
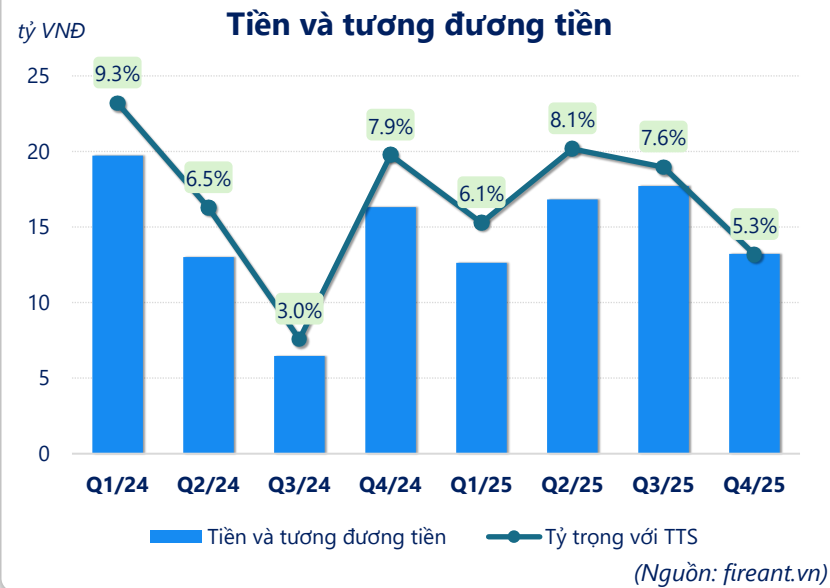
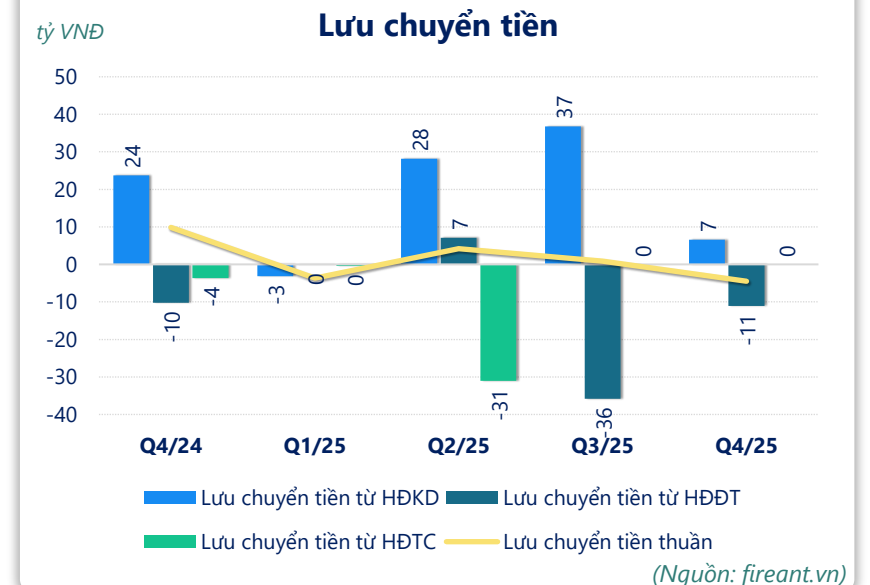
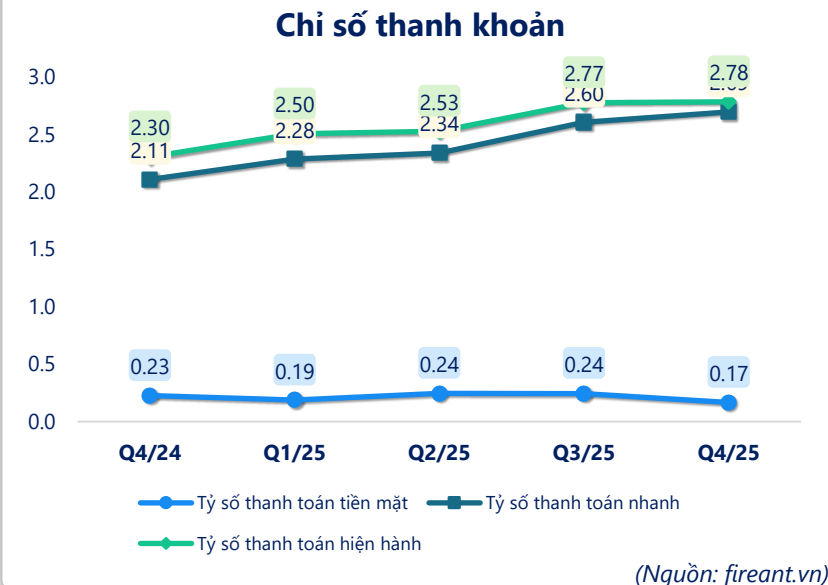
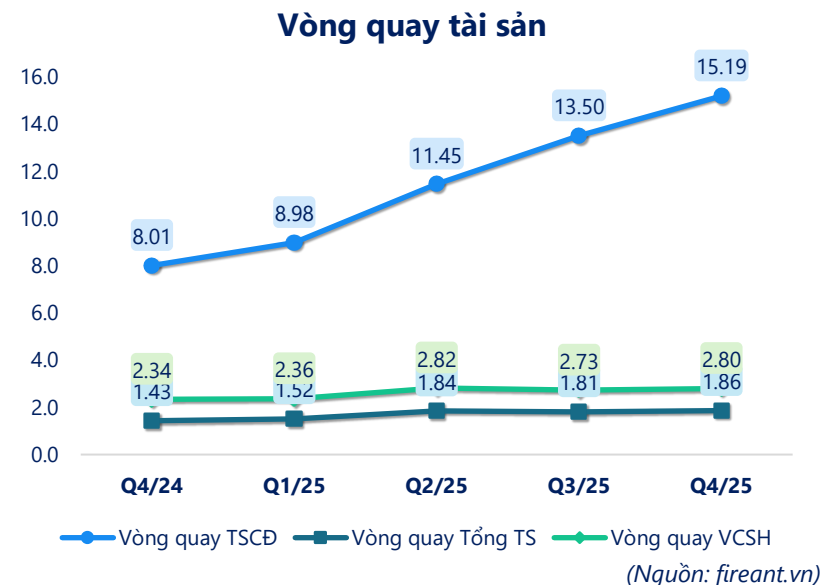
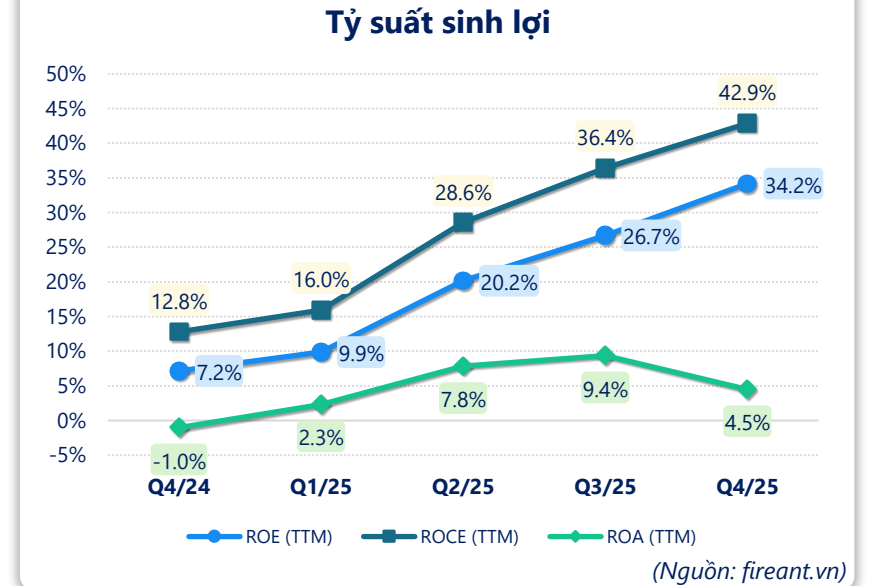
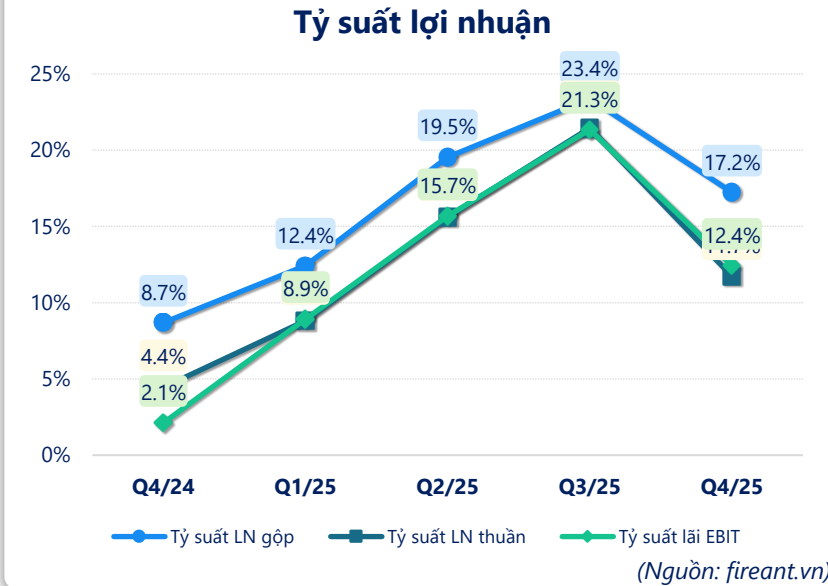
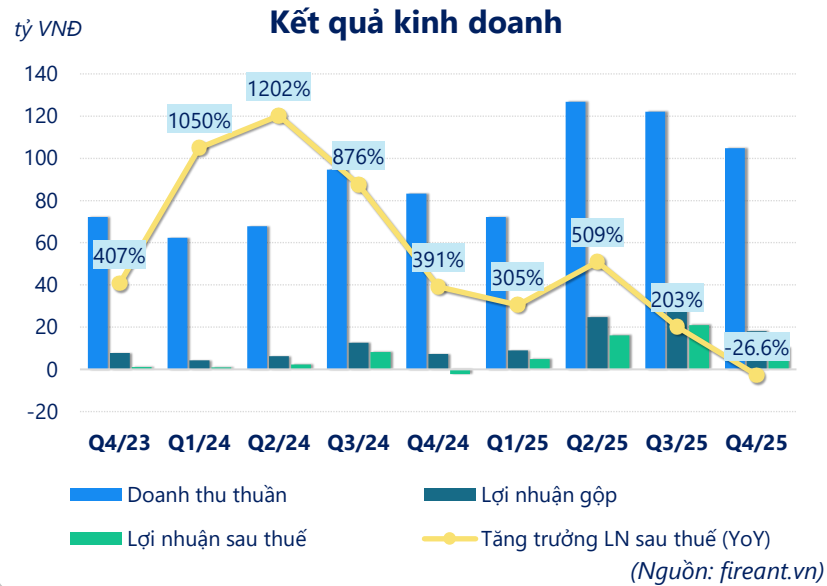


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,251
SL cổ phiếu LH		8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)		46,290
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		260
P/E		5.0
EPS		5,841

	YTD	1T	3T	6T
PDB	219.5%	17.3%	40.4%	131.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	251	207	21.4%
Tài sản ngắn hạn	222	167	33.0%
Tiền và tương đương tiền	13.2	16.3	-19.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.9	8.01	636%
Phải thu ngắn hạn	142	127	11.6%
Hàng tồn kho	6.99	14.2	-50.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.89	-37.3%
Tài sản dài hạn	28.8	39.6	-27.3%
Phải thu dài hạn	0	0.05	-100%
Tài sản cố định	22.8	33.3	-31.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.39	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.05	5.92	2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	79.8	73.0	9.3%
Nợ ngắn hạn	79.8	72.6	10.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.3	46.1	7.0%
Nợ dài hạn	0	0.47	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.47	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	171	134	28.1%
Vốn chủ sở hữu	171	134	28.1%
Vốn điều lệ	89.1	89.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	83.2	72.2	127	122	105
Giá vốn hàng bán	76.0	63.2	102	93.5	86.7
Lợi nhuận gộp	7.23	8.98	24.8	28.5	18.0
Doanh thu HĐTC	0.21	0.27	0.26	0.24	0.99
Chi phí TC	0.30	0.21	0.05	0.00	0.00
Chi phí lãi vay	0.30	0.21	0.05	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.67	0.54	0.66	0.69	1.18
Chi phí QLDN	2.77	2.14	4.52	1.90	5.55
LN thuần từ HĐKD	3.70	6.36	19.8	26.2	12.3
Lợi nhuận khác	-2.23	-0.12	0.01	-0.13	0.71
LN trước thuế	1.47	6.24	19.8	26.0	13.0
Lợi nhuận sau thuế	-2.20	4.87	16.0	20.9	10.3
LNST của CĐ cty mẹ	-2.20	4.88	16.0	20.9	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.7	-3.14	28.1	36.7	6.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.2	-0.08	7.10	-35.9	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.66	-0.46	-31.0	0	0
Tiền đầu kỳ	6.46	16.3	12.6	16.8	17.7
Lưu chuyển tiền thuần	9.85	-3.68	4.20	0.88	-4.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.3	12.6	16.8	17.7	13.2

(Nguồn: fireant.vn)